

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I
Số 10 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Tân Phú, TP. HCM

NỘI DUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-21
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09-21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khí cụ điện I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khí cụ điện I là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công Nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Tên giao dịch của Công ty là: Electrical Devices Joint-Stock Company No.1. Tên viết tắt là: VINAKIP.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000160 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 12 tháng 04 năm 2004, Giấy phép đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 01 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các thiết bị đóng cắt, điều khiển, chiếu sáng và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, phụ tùng, cấu kiện kim loại cho xây dựng;
- Lắp đặt các thiết bị đường dây điện đến 35KV;
- Thi công xây lắp cơ sở hạ tầng;
- Xuất nhập khẩu vật liệu điện và thiết bị điện;
- Kinh doanh các loại vật tư, vật liệu điện và thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn;
- Kinh doanh bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phường Xuân Khanh - Sơn Tây - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 34.000.000.000 VND (Ba mươi tư tỷ đồng). Tương đương 3.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Hoàng Đình Phẩm	Ủy viên
Ông Phùng Đệ	Ủy viên
Bà Hạ Thị Dung	Ủy viên
Ông Nguyễn Kim Tường	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Đình Phẩm	Tổng Giám đốc
Ông Phùng Đệ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đặng Xuân Sang	Trưởng ban
Bà Trương Thị Thu Cúc	Ủy viên
Ông Khuất Văn Nga	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2010

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Hoàng Đình Phẩm



Số: 138 /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Khí cụ điện I

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khí cụ điện I được lập ngày 01 tháng 02 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khí cụ điện I tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2010

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Phó Tổng giám đốc

Nguyễn Quốc Dũng
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Kiểm toán viên

Trần Quang Mẫu

Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		50.138.141.087	32.565.021.084
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền		25.491.838.566	7.505.341.904
111	1 Tiền	3	25.491.838.566	7.505.341.904
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		9.796.344.548	7.103.616.458
131	1 Phải thu của khách hàng		7.562.568.159	4.335.260.813
132	2 Trả trước cho người bán		2.472.947.310	2.681.562.152
135	5 Các khoản phải thu khác	4	35.250.000	361.214.414
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(274.420.921)	(274.420.921)
140	IV Hàng tồn kho		14.816.757.973	17.914.543.502
141	1 Hàng tồn kho	5	14.816.757.973	17.914.543.502
150	V Tài sản ngắn hạn khác		33.200.000	41.519.220
158	4 Tài sản ngắn hạn khác		33.200.000	41.519.220
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		30.202.758.585	24.351.154.540
220	II Tài sản cố định		29.991.041.685	24.193.964.103
221	1 Tài sản cố định hữu hình	6	25.653.441.685	24.193.964.103
222	- Nguyên giá		48.822.094.807	43.575.266.310
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.168.653.122)	(19.381.302.207)
227	3 Tài sản cố định vô hình	7	4.337.600.000	-
228	- Nguyên giá		4.337.600.000	-
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	100.000.000	100.000.000
258	3 Đầu tư dài hạn khác		100.000.000	100.000.000
260	V Tài sản dài hạn khác		111.716.900	57.190.437
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	9	111.716.900	57.190.437
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		80.340.899.672	56.916.175.624

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
 (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		24.340.294.832	15.868.404.714
310	I Nợ ngắn hạn		22.340.096.832	14.403.206.714
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	10	5.048.200.906	2.029.787.765
312	2 Phải trả người bán		9.194.294.379	5.095.609.021
313	3 Người mua trả tiền trước		219.916.328	93.455.841
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.210.627.990	576.760.908
315	5 Phải trả người lao động		3.319.637.163	3.422.721.283
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	3.347.420.066	3.184.871.896
330	II Nợ dài hạn		2.000.198.000	1.465.198.000
333	3 Phải trả dài hạn khác		1.485.000.000	950.000.000
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		515.198.000	515.198.000
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		56.000.604.840	41.047.770.910
410	I Vốn chủ sở hữu	13	54.111.341.136	40.078.341.136
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		34.000.000.000	24.000.000.000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		12.700.000.000	11.700.000.000
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		6.086.441.136	3.486.441.136
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		1.324.900.000	891.900.000
430	II Nguồn kinh phí và quỹ khác		1.889.263.704	969.429.774
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.889.263.704	969.429.774
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		80.340.899.672	56.916.175.624

Người lập

Shuy

Kế toán trưởng

Dang

Hạ Thị Dung



Tổng Giám đốc

Hoàng Đình Phẩm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	172.754.017.336	123.134.105.694
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		172.754.017.336	123.134.105.694
11	4 Giá vốn hàng bán	15	149.853.619.427	108.047.206.939
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.900.397.909	15.086.898.755
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	16	1.090.072.417	2.040.591.956
22	7 Chi phí tài chính	17	575.302.904	231.924.000
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		575.302.904	231.924.000
24	8 Chi phí bán hàng		5.751.228.449	4.373.388.770
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.934.580.122	5.854.648.381
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		12.729.358.851	6.667.529.560
31	11 Thu nhập khác		106.365.176	723.839.394
32	12 Chi phí khác		-	108.663.204
40	13 Lợi nhuận khác		106.365.176	615.176.190
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.835.724.027	7.282.705.750
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	3.205.181.007	1.086.099.364
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.630.543.020	6.196.606.386
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	3.700	2.582

Người lập

Thuy

Kế toán trưởng

Dung

Hạ Thị Dung

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc



Hoàng Đình Phẩm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		186.286.695.774	97.533.788.770
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(135.434.198.029)	(71.459.828.750)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(20.142.708.837)	(17.459.832.283)
04	4 Tiền chi trả lãi vay		(575.302.904)	(231.924.000)
05	5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.817.924.650)	(1.059.984.660)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.077.433.320	2.901.634.210
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.855.755.073)	(10.934.238.883)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>17.538.239.601</i>	<i>(710.385.596)</i>
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.584.428.497)	(12.414.841.855)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	663.839.394
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.090.072.417	1.970.839.956
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(8.494.356.080)</i>	<i>(9.780.162.505)</i>
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		11.000.000.000	-
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		11.215.848.670	10.000.000
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(8.197.435.529)	-
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.075.800.000)	(4.443.065.500)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>8.942.613.141</i>	<i>(4.433.065.500)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>17.986.496.662</i>	<i>(14.923.613.601)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7.505.341.904	22.428.955.505
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	25.491.838.566	7.505.341.904

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2010

Người lập

Shuy

Kế toán trưởng

Bmg

Hạ Thị Dung

Tổng Giám đốc



Hoàng Đình Phẩm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2009

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khí cụ điện I là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công Nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phường Xuân Khanh - Sơn Tây - Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000160 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 12 tháng 04 năm 2004, Giấy phép đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 01 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các thiết bị đóng cắt, điều khiển, chiếu sáng và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, phụ tùng, cấu kiện kim loại cho xây dựng;
- Lắp đặt các thiết bị đường dây điện đến 35KV;
- Thi công xây lắp cơ sở hạ tầng;
- Xuất nhập khẩu vật liệu điện và thiết bị điện;
- Kinh doanh các loại vật tư, vật liệu điện và thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn;
- Kinh doanh bất động sản.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng các quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa chi phí lãi vay trong năm là: 0%.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

203
KIỂM
HÀNH
VỤ T
HÀNH
KIỂM

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



3 . TIỀN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	1.149.870.283	479.079.027
Tiền gửi ngân hàng	24.341.968.283	7.026.262.877
Cộng	25.491.838.566	7.505.341.904

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu khác	35.250.000	361.214.414
Cộng	35.250.000	361.214.414

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.123.291.941	7.371.796.191
Công cụ, dụng cụ	33.805.451	36.245.170
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	500.976.124	882.976.124
Thành phẩm	3.901.562.008	8.933.384.193
Hàng gửi đi bán	257.122.449	690.141.824
Cộng giá gốc hàng tồn kho	14.816.757.973	17.914.543.502



6 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	14.977.510.390	24.859.404.757	3.738.351.163	43.575.266.310
2. Số tăng trong năm	4.247.305.745	825.829.902	173.692.850	5.246.828.497
- Mua sắm mới	4.247.305.745	825.829.902	173.692.850	5.246.828.497
4. Số dư cuối năm	19.224.816.135	25.685.234.659	3.912.044.013	48.822.094.807
II. Giá trị đã HMLK				
1. Số dư đầu năm	7.120.910.540	11.406.818.995	853.572.672	19.381.302.207
2. Số tăng trong năm	978.022.342	2.145.262.810	664.065.763	3.787.350.915
- Trích khấu hao	978.022.342	2.145.262.810	664.065.763	3.787.350.915
4. Số dư cuối năm	8.098.932.882	13.552.081.805	1.517.638.435	23.168.653.122
III. Giá trị còn lại				
1. Đầu năm	7.856.599.850	13.452.585.762	2.884.778.491	24.193.964.103
2. Cuối năm	11.125.883.253	12.133.152.854	2.394.405.578	25.653.441.685

7 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất
I. Nguyên giá	
1. Số dư đầu năm	-
2. Số tăng trong năm	4.337.600.000
- Mua sắm mới	4.337.600.000
4. Số dư cuối năm	4.337.600.000
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế	
1. Số dư đầu năm	-
4. Số dư cuối năm	-
III. Giá trị còn lại	
1. Đầu năm	-
2. Cuối năm	4.337.600.000

121353
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I
 PHƯỜNG XUÂN KHANH
 H. SƠN TÂY - TỈNH HÀ NỘI
 KẾ TOÁN
 CHẾ TOÁN

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Góp vốn vào Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	100.000.000	100.000.000
Cộng	100.000.000	100.000.000

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	111.716.900	57.190.437
Cộng	111.716.900	57.190.437

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	5.048.200.906	2.029.787.765
- Vay Ngân hàng TMCP Quân đội (*)	2.598.000.906	1.004.787.765
- Vay Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam (**)	2.450.200.000	1.000.000.000
- Vay đối tượng khác	-	25.000.000
Cộng	5.048.200.906	2.029.787.765

(*): Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội bao gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 03.09.830.686886.TD ngày 25/11/2009, giá trị khoản vay là 1.277.767.465 VND. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 25/11/2009, nợ gốc thanh toán một lần vào cuối kỳ. Lãi suất cho vay là 10,5%/năm, trả lãi hàng tháng. Vốn vay theo hình thức có tài sản đảm bảo là hàng tồn kho.

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 04.09.830.686886.TD ngày 09/12/2009, giá trị khoản vay là 1.320.233.441 VND. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 14/12/2009, nợ gốc thanh toán một lần vào cuối kỳ. Lãi suất cho vay là 12%/năm, trả lãi hàng tháng. Vốn vay theo hình thức có tài sản đảm bảo là hàng tồn kho.

(**): Hợp đồng vay vốn số 002/2009/HĐVV/TBĐVN-VINAKIP ngày 01 tháng 04 năm 2009, giá trị khoản vay là 2.450.200.000 VND, lãi suất là 7,2%/năm, thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày 01/01/2009, mục đích sử dụng khoản vay là vay vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh.



11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	743.266.629	496.655.904
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	467.361.361	80.105.004
Cộng	1.210.627.990	576.760.908

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	12.383.514	130.426.563
Bảo hiểm xã hội	80.895.065	131.178.025
Bảo hiểm y tế	117.945.933	25.552.247
Bảo hiểm thất nghiệp	22.207.154	-
Phải trả cổ tức	2.674.400.000	2.450.200.000
Phải trả, phải nộp khác	439.588.400	447.515.061
Cộng	3.347.420.066	3.184.871.896



CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I
Phường Xuân Khanh - Sơn Tây - Hà Nội

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm trước	Số dư cuối năm nay	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
			Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần					
Số dư đầu năm trước	24.000.000.000	11.700.000.000	24.000.000.000	11.700.000.000	2.650.441.136	751.900.000	-	39.102.341.136	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	6.196.606.386	
Tăng khác	-	-	836.000.000	-	-	140.000.000	-	976.000.000	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	6.196.606.386	
Số dư cuối năm trước	24.000.000.000	11.700.000.000	24.000.000.000	11.700.000.000	3.486.441.136	891.900.000	-	40.078.341.136	
Tăng vốn trong năm nay	10.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-	-	-	11.000.000.000	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	9.630.543.020	
Tăng khác	-	-	2.600.000.000	-	-	433.000.000	-	3.033.000.000	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	9.630.543.020	
Số dư cuối năm nay	34.000.000.000	12.700.000.000	34.000.000.000	12.700.000.000	6.086.441.136	1.324.900.000	-	54.111.341.136	

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	12.251.000.000	36,03%	12.251.000.000	51,05%
Vốn góp của đối tượng khác	21.749.000.000	63,97%	11.749.000.000	48,95%
Cộng	34.000.000.000	100,00%	24.000.000.000	100,00%



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	34.000.000.000	24.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	24.000.000.000	24.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	10.000.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	34.000.000.000	24.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.300.000.000	4.800.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia trên lợi nhuận năm nay</i>	5.300.000.000	4.800.000.000

Theo Biên bản họp của Hội đồng quản trị số 05/NQ-HDQT ngày 24 tháng 02 năm 2010, Công ty thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2009 bằng 20% vốn điều lệ.

d) Cổ phiếu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.400.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.400.000	2.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.400.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.400.000	2.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.400.000	2.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.086.441.136	3.486.441.136
Quỹ dự phòng tài chính	1.324.900.000	891.900.000
Cộng	<u>7.411.341.136</u>	<u>4.378.341.136</u>

14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	172.754.017.336	123.134.105.694
Cộng	<u>172.754.017.336</u>	<u>123.134.105.694</u>



15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa	149.853.619.427	108.047.206.939
Cộng	149.853.619.427	108.047.206.939

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.075.072.417	2.040.591.956
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.000.000	-
Cộng	1.090.072.417	2.040.591.956

17 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	575.302.904	231.924.000
Cộng	575.302.904	231.924.000

18 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	12.835.724.027	7.282.705.750
Trừ đi:		
- Cổ tức nhận được từ lợi nhuận sau thuế	15.000.000	-
Lợi nhuận tính thuế	12.820.724.027	7.282.705.750
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
	3.205.181.007	2.039.157.610
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
Ưu đãi thuế TNDN đối với DNNN chuyển đổi sang Công ty cổ phần	-	(1.013.042.906)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	-	59.984.660
Thuế TNDN phải nộp	3.205.181.007	1.086.099.364

19 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	9.630.543.020	6.196.606.386
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.630.543.020	6.196.606.386
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.602.781	2.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.700	2.582

20 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	111.208.072.059	86.794.700.910
Chi phí nhân công	23.358.890.660	16.866.180.951
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.787.350.915	2.581.602.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.558.988.374	1.128.738.750
Chi phí khác bằng tiền	8.047.397.106	6.229.286.538
Cộng	147.960.699.114	113.600.509.309

21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

22 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Mua hàng			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Tổng Công ty	416.522.700	4.197.754.448
- Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Thành viên Tổng Công ty	337.230.210	229.678.190
Trả tiền lãi vay			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Tổng Công ty	261.409.600	67.500.000
Góp vốn (bao gồm cả thặng dư vốn cổ phần)			
- Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Thành viên Tổng Công ty	4.932.400.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Phải trả tiền hàng			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Tổng Công ty	364.764.960	1.380.657.630
- Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Thành viên Tổng Công ty	63.767.240	59.859.116
Phải trả tiền vay			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Tổng Công ty	2.450.200.000	1.000.000.000
Phải trả cổ tức			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Tổng Công ty	2.450.200.000	2.450.200.000
- Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Tổng Công ty	224.200.000	-



23 . SỔ LIỆU SO SÁNH

Sổ liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Người lập



Kế toán trưởng



Hạ Thị Dung

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2010

Trưởng Giám đốc



Hoàng Đình Phẩm